

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN SÌN HỒ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH LAI CHÂU

Bản án số: 25/2024/ST-HNGĐ

Ngày 10/9/2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu và Ông Tần Phàn Pao.

Thư ký phiên tòa: Ông Chảo Hồ Sơn- Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lò Trí Siêu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/ TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 29/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Vàng Thị T, sinh năm 2001; Địa chỉ: bản N K2, xã H Th, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; có mặt.

- Bị đơn: anh Giàng A S , sinh năm 2001; Địa chỉ: bản N K2, xã H Th, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị T, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Vàng Thị T và anh Giàng A S , sau một thời gian tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau trước khi đăng ký kết hôn, vào ngày 23/6/2020. Sau đó chị T và anh S mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, vào ngày 27/6/2022, trên tinh thần tự

nguyên, không ai ép buộc hay bị ai lừa dối và được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức đám cưới theo phong tục của người Mông. Thời gian đầu cuộc sống vợ, chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống, cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau nên dẫn đến mâu thuẫn, hay xảy ra cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung do chồng chị hay đi đá bóng, uống rượu, chơi game và tiêu tiền hoang phí và không quan tâm đến chị. Do tức giận và không còn tình cảm với anh Snên chị T đã ly thân và bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, từ tháng 2 năm 2024 cho đến nay. Mặc dù anh Sđã được chị T và gia đình động viên hòa giải nhưng không có kết quả gì. Đến nay, vợ chồng chị T và anh Skhông còn chăm sóc, động viên nhau và ít điện thoại để liên lạc với nhau, anh Sđã chặn máy điện thoại của chị T kể từ khi ly thân. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Vàng Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A Sđể chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: chị Vàng Thị T và anh Giàng A Scó 01 con chung là cháu: Giàng Quang Vinh, sinh ngày 01/01/ 2021. Chị T và anh Sthỏa thuận. Sau khi ly hôn anh Giàng A Slà người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giàng Quang Vinh cho đến khi cháu Vinh, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Giàng A Skhông yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị T nhất trí.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị T và anh Skhông có tài sản chung và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Vàng Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A Svà có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản lấy lời khai của đương sự, biên bản Hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Giàng A Sang, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Svà chị Giàng Thị T về chung sống với nhau, vào ngày 23/6/2020 đến năm 2021 thì anh Scó đi nghĩa vụ quân sự. Đến ngày 27/6/2022 vợ chồng anh chị thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã H Th , huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm cuối năm 2023 (âm lịch) thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ, chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi nhau nên đến ngày 07/01/2024 chị T bỏ nhà đi về ở với bố mẹ đẻ của chị Tùng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị vẫn còn hàn gắn được, anh Sđang còn tình cảm với chị T. Đến nay, chị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết ly

hôn với anh, anh Skhông nhất trí. Vì anh Sđang còn yêu thương chị T nên anh Syêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng anh chị về chung sống với nhau.

Về con chung: anh Svà chị Giàng Thị Tùng có 01 con chung: cháu tên là Giàng Quang Vinh, sinh ngày 01/01/2021, Hiện cháu Giàng Quang V đang ở với anh Sang, kể từ ngày chị T bỏ đi. Anh Svà chị T, thỏa thuận, nếu phải ly hôn: anh Giàng A Slà người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Giàng Quang V , sinh ngày 01/01/2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không được ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A Skhông yêu cầu chị Tùng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về khoản nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Giàng A Sđã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Giàng A S, không thể đến tham gia tố tụng tại phiên tòa được nên anh Sang, có đơn đề nghị Tòa án xem xét, xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Giàng A Slà phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 82, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014và Điều 246 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng Thị T, xử cho chị Vàng Thị T được ly hôn với anh Giàng A S. Quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị T và anh Giàng A Schấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Giàng Quang V , sinh ngày 01/01/2021 cho anh Giàng A Slà người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu V cho

đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Vàng Thị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Giàng A Skhông yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh chị không có tài sản chung, khoản nợ chung nên đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị Vàng Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên trả lại cho nguyên đơn là chị Vàng Thị T 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, mà chị Vàng Thị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000625 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Vàng Thị T xác định đây là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Vàng Thị T nộp đơn khởi kiện chị T và anh anh Giàng A Sđều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N K2, xã H Th, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Vàng Thị T và anh Giàng A Sđúng theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 10/9/2024, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, anh Sđã làm đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Giàng A Stheo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Vàng Thị T và anh Giàng A Skết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu và không bị ai lừa dối hay ép buộc. Chị T và anh Sđăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2022 tại UBND xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 32 ngày 27/6/2022 do Ủy ban nhân dân xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, cấp (Trích lục kết hôn số 32/TLKH-BS ngày 10/6/2024, thực hiện trích lục từ Sổ đăng ký kết hôn). Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị T và anh Giàng A Slà hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống với nhau tại bản N K2, xã H Th, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm cuối năm 2023 (âm lịch) thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Svà chị T không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và anh Shay đi đá bóng, uống rượu, chơi game và tiêu tiền hoang phí và không quan tâm đến chị. Do tức giận và không còn tình cảm với anh Snên chị T đã ly thân và bỏ về nhà bố mẹ đẻ đẻ ở, từ tháng 2 năm 2024 cho đến nay. Mặc dù anh Sđã được chị T và gia đình hai bên nội, ngoại động viên hòa giải nhưng không có kết quả gì. Đến nay, chị T không còn tình cảm với anh Sang, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không còn tiếp tục sống chung với anh Sđược nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Giàng A Sang. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị Vàng Thị T được ly hôn với anh Giàng A Sang.

[3] Về nuôi con chung: anh Svà chị Vàng Thị T có 01 con chung: tên là cháu Giàng Quang V , sinh ngày 01/01/2021, Hiện cháu Giàng Quang V đang ở với anh Sang, kể từ ngày chị T bỏ nhà đi về ở với bố mẹ đẻ, từ tháng 2 năm 2024. Anh Svà chị T, thỏa thuận: anh Giàng A Slà người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Giàng Quang Vinh, sinh ngày 01/01/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị T nhất trí.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Từ khi chị Vàng Thị T , ly thân với anh Giàng A Svề ở với bố mẹ đẻ của mình, kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Cháu Giàng Quang V luôn được anh Squan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Nguyên vọng của anh S cũng mong muốn được nuôi dưỡng cháu Vinh cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Svà chị T cũng đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi dưỡng cháu Vinh. Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh Svà chị T. Căn cứ các Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014 . Giao cháu Giàng Quang Vinh, sinh ngày 01/01/2021 cho anh Giàng A Slà người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Vàng Thị T là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và khoản nợ chung các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Vàng Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hội đồng xét xử miễn án phí Dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân và gia đình cho chị T theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn là chị Vàng Thị T 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, mà chị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000625 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Vàng Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị T và anh Giàng A S , theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 27/6/2022 do Ủy ban nhân dân xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, cấp (Trích lục kết hôn số 32/TLKH-BS ngày 10/6/2024, thực hiện trích lục từ Sổ đăng ký kết hôn). Quan hệ hôn nhân giữa Vàng Thị T và anh Giàng A Schấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Giàng Quang Vinh, sinh ngày 01/01/2021 cho anh Giàng A Slà người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi cháu Vinh trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Anh Skhông yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị T nhất trí.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: chị Vàng Thị T được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn là chị Vàng Thị T 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, mà chị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23, số 0000625 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vàng Thị T, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Giàng A Sướng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã H Th ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Ngoãn

